TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 04-6-2025
V/v: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nghiêm Khắc Cẩn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Trương Thanh Hà**

2. Ông: **Nguyễn Hữu Doan**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lê Song Hào** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/5 và ngày 04/6 năm 2025, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- DS, ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kiều Thị H
Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T
Địa chỉ: Thôn V, xã Đức L, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.
Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Anh T – Chủ tịch UBND xã Đ
Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức A – Phó Chủ tịch UBND xã Đ theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2025 (có mặt)
- *Người làm chứng:* Ông Trần Quốc N; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Kiều Thị H trình bày như sau:

Năm 1992, bà H nhận chuyển nhượng 01 mảnh vườn ở của bà Nghiêm Thị T ở thôn V, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Mảnh vườn nhận chuyển nhượng có phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T là hàng rào cây xanh; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Khắc H; phía Tây giáp đất anh Phan T và anh Phan Đình P; phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Đ. Đến năm 2013, bà H được UBND V cấp giấy nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BP 845863 đứng tên bà Kiều Thị H. Khoảng 01 năm sau, gia đình ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T đã chặt cây xanh, xây dựng hành rào tường gạch. Lúc đó, bà H thấy ông D, bà T xây lấn sang đất mình nên đã nói với ông D, bà T và báo với thôn xóm can thiệp nên ông D, bà T đã dừng lại và xây lại hàng rào thụt vào nhưng vẫn để nguyên phần móng đã xây. Sau đó, bà H đã nhiều lần nói ông D, bà T dỡ bỏ phần móng xây lấn sang nhưng ông D, bà T không dỡ bỏ. Đến đầu năm 2024, ông D, bà T phá bỏ hàng rào đã xây và xây lại hàng rào mới trên phần móng xây trước đó chưa dỡ bỏ, lấn sang đất bà H. Thấy vậy, bà H đã nói với ông D, bà T xây lấn sang đất bà H nhưng ông D, bà T vẫn xây. Vì vậy, bà H đã là đơn gửi UBND xã Đ giải quyết. Quá trình giải quyết UBND xã Đ đã phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh V tiến hành đo đạc, xác định ông D, bà T xây hàng rào lấn sang đất bà H 7,6 m^2 tại Biên bản làm việc 26/8/2024 và đề nghị ông D, bà T khắc phục trả lại phần đất xây lấn cho bà H. Tuy nhiên, ông D, bà T không khắc phục nên bà Kiều Thị H đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T di dời toàn bộ tài sản, vật dụng của mình ra khỏi 7,6 m^2 đất lấn của bà H và trả lại nguyên trạng 7,6 m^2 đất lấn cho bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguồn gốc đất của ông D và bà T là được thừa kế của bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ bà T), sau khi bà T1 chết, đến năm 2013 thì được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất BP 845878 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T. Thời điểm ông D, bà T xây dựng hàng rào lần đầu là năm 2002 và đến năm 2024 đập xây lại do hàng rào xây táp lô đã mục. Năm 2002, xây hàng rào không có tranh chấp gì, đến năm 2024 xây lại hàng rào thì bà H có nói xây sang đất bà H thì bà T có nói bà H đi mời địa chính vào. Sau đó, không thấy địa chính vào nên ông D, bà T tiếp tục xây, vì cho rằng xây hàng rào trên móng cũ nên không lấn sang đất bà H.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh ông Nguyễn Đức A – phó Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất của các bên đúng như trình bày của các bên, quá trình sử dụng đất trước đây cho đến năm 2024, UBND xã không nhận được phản ánh nào của bà H, ông D và bà T về tranh chấp hay khiếu nại gì về quyền sử dụng đất của các bên. Khi thực hiện thủ tục lập hồ sơ để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất năm 2013, gia đình ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị T và bà Kiều Thị H không ai có ý kiến phản ánh

hay khiếu nại gì. Đến đầu năm 2024, UBND xã nhận được đơn phản ánh của bà Kiều Thị H cho rằng ông D và bà T xây hàng rào lấn sang đất bà H. UBND xã đã phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V, đo đạc xác định và hòa giải nhiều lần nhưng không đạt được kết quả. Nay sự việc đã rõ, UBND xã mong muốn các bên suy nghĩ lại để thỏa thuận giải quyết với nhau để hạn chế thiệt hại cho các bên.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chổ và biên bản định giá tài sản ngày 02/4/2025 xác định:

* Thửa đất tranh chấp tranh ranh giới giữa bà Kiều Thị H với ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T ở thôn V, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

- Thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà Kiều Thị H là thửa đất số 129, tờ bản đồ số 51, có diện tích 386,3 m^2 được UBND huyện V cấp giấy nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BP 845863 31/12/2013. Thửa đất có phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị T và ngõ xóm, phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Đ, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Khắc H, phía Tây giáp ông Phan Đình P

- Thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T là thửa đất số130, tờ bản đồ số 51, có diện tích 214,2 m^2 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất BP 845878 ngày 31/12/2013. Thửa đất có phía Đông giáp ông Đặng Hồng N, phía Nam giáp bà Nguyễn Thị Đ, phía Bắc giáp ngõ xóm, phía Tây giáp Kiều Thị H.

Trên ranh giới đất tranh chấp có hàng rào do ông D và bà T xây, có tổng chiều dài được chia làm 3 đoạn: Đoạn thứ nhất có chiều dài 3,2m, cao 2,0 m và đoạn thứ hai dài 5,5m, cao 2,4 m, đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai tường xây gạch đặc 110cm, tường dày 220 cm, một mặt sơn, ốp gạch, một mặt trát da; đoạn thứ ba là phần móng xây đá hộc, không có tường dài 7,3 m, rộng 40 cm. Trên phần đất tranh chấp có một phần che tôn nằm trên, có thể tháo, di dời được mà không ảnh hưởng.

Phần hàng rào ông D, bà T xây chồng lấn lên thửa đất 129 thuộc quyền sử dụng của bà Hà tổng diện tích 7,6 m^2, cụ thể: Theo sơ đồ thực địa thửa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ xác định là từ điểm 1 đến điểm 2, đến điểm 3, đến điểm 4, đến điểm 5 đến điểm 1, trong đó: từ điểm 1 đến điểm 2 dài 14,79 m, từ điểm 2 đến điểm 3 dài 0,93 m, từ điểm 3 đến điểm 4 dài 0,61 m, từ điểm 4 đến điểm 5 dài 1,10 m, từ điểm 5 đến điểm 1 dài 14,80 m.

* Trị giá đất tranh chấp tại thời điểm định giá là 490.000/1m^2 (bốn trăm chín mươi ngàn đồng trên một mét vuông); tổng trị giá hàng rào, móng đá hộc trên đất tranh chấp là 26. 249.500đ (hai mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm đồng); trị giá diện tích đất 7,6 m^2 là 3.724.000 đồng.

Qúa trình giải quyết vụ việc tại UBND xã Đ và Tòa án, lúc đầu bà T và ông D thừa nhận xây lấn sang đất bà Kiều Thị H 7,6 m^2 và xin cho thời gian để thương lượng, thỏa thuận với bà H giải quyết, khắc phục. Tuy nhiên, sau đó ông D và bà T không thỏa thuận, khắc phục vì cho rằng không xây lấn sang đất bà H, đồng

thời ông D, bà T cung cấp cho Tòa án bản pho to có chứng thực Giấy bán cây lưu niên và nhường vườn ở có ghi kích thước khoảng 240 m^2 đề năm 1981 giữa bà Phan Thị C là bên chuyển nhượng và bà Nguyễn Thị T1 là bên nhận chuyển nhượng (mẹ đẻ bà Nguyễn Thị T) và đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định tại chổ lại theo giấy nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không đề nghị triệu tập thêm ai tham gia tố tụng, không có tài liệu, chứng gì cung cấp thêm cho Tòa án. Bị đơn tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, thẩm định tại chổ lại theo Giấy bán cây lưu niên và nhường vườn ở. Còn các vấn đề khác, các bên đương sự giữ nguyên quan điểm, yêu cầu ban đầu của mình; không có thay đổi, bổ sung hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng quá trình thụ lý vụ án đến nay, Tòa án tuân thủ đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về đề nghị xem xét, thẩm định tại chổ lại

- Áp dụng các điều 91, 108, 147, 157, 165 BLTTDS; Điều 174, 175, 176 Bộ luật dân sự, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị H, buộc ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T di dời toàn bộ tài sản, vật dụng ra khỏi 7,6 m^2 đất lấn của bà Kiều Thị H và trả lại nguyên trạng 7,6 m^2 xây lấn cho bà Kiều Thị H.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng hết 2.000.000 đồng và nguyên đơn bà Kiều Thị H đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng để chi trả theo quy định pháp luật. Yêu cầu của bà H được chấp nhận toàn bộ nên áp dụng các điều 157, 165, 166 BLTTDS buộc ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho bà Kiều Thị H 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

- Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Kiều Thị H 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001524 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T di dời toàn bộ tài sản, vật dụng của mình ra khỏi 7,6 m^2 đất lấn của bà H và trả lại nguyên trạng 7,6 m^2 đất cho bà H là quan hệ pháp luật "Tranh chấp đất đai" theo quy định

tại Khoản 9 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

[2] Xét yêu cầu của bị đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chổ lại đất tranh chấp theo Giấy bán cây lưu niên và nhường vườn ở có kích thước khoảng 240 m^2 đề năm 1981 giữa bà Phan Thị C và bà Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử thấy: Giấy bán cây lưu niên và nhường vườn ở do bị đơn cung cấp không có căn cứ pháp lý để xem xét, thẩm định tại chổ lại; giấy bán nói trên chỉ ghi chung chung phần diện tích mảnh vườn kích thước khoảng 240 m^2, không có chiều dài, chiều rộng cụ thể. Mặt khác, việc xem xét, thẩm định tại chổ đã được Hội đồng xem xét, thẩm định tại chổ tiến hành khách quan trên cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của các bên đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận xem xét, thẩm định tại chổ lại theo đề nghị của bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Kiều Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Kiều Thị H có quyền sử dụng đất hợp pháp theo giấy nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BP 845863 do UBND huyện V cấp ngày 31/12/2013, là thửa đất số 129, tờ bản đồ số 51, diện tích 386,3 m^2; còn ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T có quyền sử dụng đất hợp pháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BP 845878 do UBND huyện V cấp ngày 31/12/2013, thửa đất số130, tờ bản đồ số 51, có diện tích 214,2 m^2.

Quá trình xem xét, thẩm định tại chổ ngày 02/4/2025 (có sơ đồ thực địa thửa đất kèm theo), có kết quả như sau:

Thửa đất số 129 thuộc quyền sử dụng của bà Kiều Thị H, có phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị T dài 17,86 m. Còn thửa đất số 130 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị T có phía Tây giáp đất bà Kiều Thị H dài 17,86 m, mốc ranh giới giữa 02 thửa đất 129 và 130 theo giấy nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các bên là từ điểm 1 đến điểm 5 đến điểm 4 được nối với nhau bằng đường liền ; còn từ điểm 1 đến điểm 2 đến điểm 3 nối với nhau bằng đường đứt là đường chồng đè, là phần hàng rào ông D, bà T xây chồng đè lên thửa đất 129 thuộc quyền sử dụng của bà H tổng diện tích 7,6 m^2, cụ thể: từ điểm 1 đến điểm 2 dài 14,79 m, từ điểm 2 đến điểm 3 dài 0,93 m, từ điểm 3 đến điểm 4 dài 0,61 m, từ điểm 4 đến điểm 5 dài 1,10 m, từ điểm 5 đến điểm 1 dài 14,80 m.

[4] Xét lời trình bày phản bác của bị đơn cho rằng đã xây lại hàng rào trên móng cũ, không xây lấn sang đất của bà Kiều Thị H là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải di dời toàn bộ tài sản, vật dụng của bị đơn ra khỏi phần diện tích 7,6 m^2 đất xây lấn của bà Kiều Thị Hvà trả lại diện tích 7,6 m^2 đất xây lấn cho bà Kiều Thị H.

[5] Về chi phí tố tụng: Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo đơn yêu cầu của nguyên đơn, chi phí hết 2.000.000 đồng và nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí 2.000.000 đồng để chi trả theo quy định pháp luật. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, cần căn cứ vào 156, 157, 158, 164, 165, 166 BLTTDS buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền chi phí tố tụng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Áp dụng các Điều 6, 26, 35, 39, 48, 49, 63, 91, 92, 108 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 174, 175 và 176 Bộ Luật dân sự; Khoản 21 và Khoản 42 Điều 3, Điều 25, Điều 26 và Điều 236 Luật đất đai, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Kiều Thị H; buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T phải di dời toàn bộ tài sản, vật dụng của mình ra khỏi phần diện tích 7,6 m^2 đất (diện tích đất xây hàng rào chồng lấn lên thửa đất 129) thuộc quyền sử dụng của bà Kiều Thị H và trả lại diện tích 7,6 m^2 đất nói trên cho bà Kiều Thị H. Ranh giới của thửa đất 129 và thửa đất 130 là các điểm 1, điểm 5, điểm 4 được nối với nhau bằng đường liền.

(phần diện tích xây hàng rào chồng lấn, ranh giới của thửa đất 129 và thửa đất 130 nói trên có sơ đồ thực địa thửa đất kèm theo là một phần không tách rời của bản án)

- *Về chi phí tố tụng*: Áp dụng các Điều 155, 156, 157, 158, 164, 165, 166 BLTTDS buộc ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho bà Kiều Thị H 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 của BLDS năm 2015.

- *Về án phí:* Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Kiều Thị H được

Chi cục Thi hành án dân sự huyện V hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại biên lai số 0001524 ngày 06 tháng 11 năm 2024.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a ,7 b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS huyện V;
- Đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nghiêm Khắc Cẩn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

Nguyễn Hữu Doan **Trương Thanh Hà** **Nghiêm Khắc Cẩn**